

NHÂN HỌC TÔN GIÁO VÀ MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU TRONG THỜI GIAN TỚI

TRẦN THỊ HỒNG YẾN

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, chúng ta đang bước vào thế kỷ XXI - thế kỷ của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Toàn cầu hóa được khởi đầu bằng sự giao thương về kinh tế, văn hóa, giáo dục; tuy nhiên, toàn cầu hóa cũng tác động mạnh mẽ đến các lĩnh vực khác của đời sống xã hội như chính trị, an ninh quốc phòng của tất cả các quốc gia. Ở lĩnh vực tôn giáo, dưới tác động của toàn cầu hóa cũng đang trở dậy mạnh mẽ, trở thành “nhu cầu của thời đại”. Số tín đồ Phật giáo, Hồi giáo, Công giáo và Tin Lành không ngừng gia tăng trên khắp các châu lục. Mặt khác, các xung đột về tôn giáo trên thế giới thời gian gần đây đã ảnh hưởng lớn đến hòa bình, ổn định an ninh của các quốc gia và châu lục.

Tình hình trên đã tác động không nhỏ tới Việt Nam. Với chính sách mở cửa và hội nhập quốc tế, Việt Nam trở thành điểm “đi” và điểm “đến” của các luồng dân cư khác nhau trên thế giới. Theo đó, đời sống tôn giáo Việt Nam cũng có nhiều thay đổi, đa màu sắc. Các tôn giáo lớn trên thế giới đang có mặt tại Việt Nam (Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Hồi giáo) hiện đang đẩy mạnh hoạt động, mở rộng địa bàn, phạm vi ảnh hưởng lên các dân tộc thiểu số vùng núi. Tính liên kết đa quốc gia trong tôn giáo cũng

trở nên mạnh mẽ hơn. Các tôn giáo cũng đang tích cực nhập thế, tham gia vào đời sống xã hội như giúp phát triển kinh tế, giáo dục, y tế... Trong một số trường hợp, tôn giáo đã bị một số phần tử lợi dụng cho mục đích chính trị, dẫn đến xảy ra xung đột. Bức tranh tôn giáo nêu trên đã cho thấy vai trò, vị trí của tôn giáo trong đời sống văn hóa, xã hội; đồng thời, cũng đặt ra nhiệm vụ cấp bách, cần phải nghiên cứu các vấn đề liên quan đến tôn giáo hiện nay.

Sau khi thực hiện Đổi mới (1986), nhằm phát huy hơn nữa sức mạnh của toàn dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước, Đảng ta đã thay đổi quan điểm và chính sách đối với tôn giáo. Trong đó, nội dung chính là coi tôn giáo là *nhu cầu chính đáng của một bộ phận quần chúng nhân dân; đã, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng Chủ nghĩa xã hội; đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới cần phát huy*¹.

Những quan điểm, đường lối trên đã mở ra một hướng đi đúng đắn cho các tôn giáo, tín ngưỡng đoàn kết, cùng tham gia vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH - HĐH) đất nước, tránh được những

¹ Nghị quyết 24 - NQ/TW ngày 16 tháng 10 năm 1990 của Bộ chính trị và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng.

xung đột không đáng có. Trong những năm qua, đồng bào các tôn giáo đã thực hiện “sống tốt đời đẹp đạo” “phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân”, tham gia đóng góp thiết thực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Tại nhiều địa phương, cuộc vận động phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo đã thu được nhiều kết quả tốt đẹp. Đời sống các tín đồ được nâng cao, tỷ lệ hộ giàu và khá không ngừng tăng qua các năm. Các tín đồ chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tham gia vào các phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng khu dân cư an toàn, tích cực phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.

Tuy nhiên, quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào có đạo cũng đã và đang đặt ra nhiều vấn đề cần phải giải quyết, đặc biệt ở các lĩnh vực như: đẩy mạnh hơn nữa sự phối hợp giữa các tổ chức tôn giáo với chính quyền địa phương trong phát triển kinh tế và quản lý xã hội; giải quyết việc thiếu đất đai xây dựng cơ sở hạ tầng tôn giáo; khắc phục một số điểm chưa phù hợp với thực tế trong chính sách tôn giáo... Từ Đổi mới đến nay, tại một số nơi, nhất là ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam, đã xuất hiện sự chuyển đổi từ tín ngưỡng truyền thống sang đạo Tin Lành - chủ yếu ở đồng bào Hmông và một bộ phận người Dao. Sự tăng vọt số tín đồ Tin Lành trong những năm gần đây đã đưa các tỉnh miền núi phía Bắc trở thành vùng có đông tín đồ lên hàng thứ hai, chỉ sau Tây Nguyên, vượt cả miền Trung và Nam Bộ.

Tôn giáo nói chung và Tin Lành nói riêng có mối quan hệ mật thiết với văn hóa tộc người, với quốc gia - dân tộc, đặc biệt là với sự ổn định chính trị - xã hội và bảo đảm

an ninh quốc phòng. Vì thế, việc chuyển đổi từ tín ngưỡng truyền thống của một bộ phận người Hmông và Dao... sang đạo Tin Lành thời gian qua, không chỉ đơn giản là vấn đề về tôn giáo mà cả vấn đề thay đổi thế giới quan, thay đổi bản sắc văn hóa tộc người và liên quan đến cả vấn đề an ninh chính trị.

Nhằm thực hiện có hiệu quả chính sách tôn giáo của Đảng đối với nhân dân; đồng thời tạo điều kiện hơn nữa cho các tín đồ tham gia tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp CNH - HĐH đất nước, rất cần những nghiên cứu về nhân học tôn giáo. Qua đó, chỉ ra vai trò, tác động của tôn giáo đối với những biến đổi về kinh tế - xã hội ở các cộng đồng tộc người hiện nay; phát huy hơn nữa các giá trị đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo, tín ngưỡng; tăng cường sự đóng góp của các tín đồ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, cũng chỉ ra những bất cập trong phát triển để tháo gỡ, đảm bảo môi trường xã hội lành mạnh, giữ vững tình hình chính trị, an ninh quốc gia.

Trong lĩnh vực nghiên cứu, gần 30 năm từ khi thực hiện Đổi mới đến nay, đã có một số công trình của các ngành Tôn giáo học, Triết học tôn giáo, Lịch sử tôn giáo, Xã hội học tôn giáo, Chính trị học tôn giáo... đề cập đến lĩnh vực tôn giáo. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu dưới góc độ nhân học tôn giáo vẫn còn rất ít ỏi. Thực trạng trên đặt ra nhiệm vụ cần đẩy mạnh hơn nữa những nghiên cứu nhân học trong lĩnh vực tôn giáo.

2. Nhân học tôn giáo và tình hình nghiên cứu Nhân học tôn giáo ở Việt Nam

2.1. Vài nét về ngành Nhân học tôn giáo

Nhân học tôn giáo là một phân ngành của Nhân học. Theo Stephen Glazier (1997),

trước thời kỳ Chiến tranh Lạnh, một điều dễ dàng nhận thấy là trong bộ môn Nhân học, Nhân học tôn giáo bị suy giảm. Người ta rất khó tìm được những chương trình Nhân học tôn giáo chuyên sâu, nơi có thể cho sinh viên tốt nghiệp làm việc, hay các giáo sư có thể tập trung nghiên cứu tôn giáo một cách nghiêm túc. Nhưng sau thời kỳ Chiến tranh Lạnh, cùng với sự gia tăng các cuộc xung đột về dân tộc và tôn giáo, tôn giáo đã có những ảnh hưởng lớn đến đời sống xã hội, chính trị một cách rõ ràng hơn so với 20 năm trước đó. Glazier và những người khác cũng nói rằng, đây là *Thời kỳ vàng của Nhân học tôn giáo*. Trong một số thời điểm nhất định, lĩnh vực này thu hút được sự quan tâm của giới ngoài chuyên môn và sự tín nhiệm ngày càng tăng của giới chuyên môn. Hiện nay, một người có thể học Nhân học tôn giáo ở Khoa Nhân học và nơi khác như ở các trường đại học tổng hợp: Drew, Princeton, Rice, California-Berkeley và Michigan... Trong các trường kể trên, đều có một hoặc hai nhà nhân học nghiên cứu nghiêm túc và chuyên sâu về tôn giáo. Nhưng người ta cũng có thể học môn Nhân học tôn giáo ở nhiều nơi chuyên đào tạo tôn giáo khác như tại các trường đại học tổng hợp: Indiana, Chicago, Harvard và California-Santa Barbara. Hơn nữa, sau những cuộc tranh cãi gay gắt, Morton Klass, James Peacock và những người khác cuối cùng đã thành công trong việc thành lập phân ngành Nhân học tôn giáo thuộc Hiệp hội Nhân chủng học Mỹ. Những ấn phẩm về Nhân học tôn giáo ngày càng tăng, trong đó, một số lượng lớn gồm có tái bản lại những văn bản cổ và người ta cũng bắt đầu nghĩ về quan điểm lý thuyết

đối với việc nghiên cứu về tôn giáo. Trong khi không có tạp chí chuyên ngành để xuất bản những bài báo Nhân học tôn giáo, có rất nhiều bài có thể tìm thấy trên tạp chí tôn giáo cũng như trong tạp chí chuyên ngành Nhân học (Padgett, 1998).

Vậy Nhân học tôn giáo là gì?

Trong nghiên cứu tôn giáo, có nhiều cách tiếp cận: Tôn giáo học, Thần học, Triết học, Xã hội học, Tâm lý học, Nhân học, Sử học... Tuy nhiên, khác với Triết học tôn giáo và Tôn giáo học (nghiên cứu sâu hệ thống giáo lý, giáo luật, cơ sở triết học, hệ tư tưởng của tôn giáo, tổ chức tôn giáo...), *Nhân học tôn giáo* ngoài việc tìm hiểu các khía cạnh trên, còn *chú trọng nghiên cứu mối quan hệ tôn giáo với tộc người, ảnh hưởng của tôn giáo tới các cộng đồng tộc người; tập trung khảo sát tộc người là tín đồ của tôn giáo đó*, đặc biệt là khảo sát “*tâm mang lọc*” văn hóa, tâm lý tộc người khi họ tham gia vào các tôn giáo đó; bởi mỗi dân tộc, tộc người có đặc trưng văn hóa, tâm lý riêng. Tôn giáo ngấm qua “*tâm mang lọc*”, tạo ra các dạng tôn giáo mang sắc thái văn hóa, tâm lý dân tộc hoặc đã được dân tộc hóa, bản địa hóa.

Như vậy, ngành Nhân học tôn giáo nghiên cứu, phân tích sắc thái tôn giáo đặc trưng của từng tộc người, từng dân tộc, từng cộng đồng đồng dân cư, chứ không phải là tôn giáo nói chung. Đó là những nghiên cứu rất đặc thù của ngành Nhân học tôn giáo. Vì thế, khi nghiên cứu một tôn giáo dưới góc độ nhân học tôn giáo, người nghiên cứu không những phải có đầy đủ tri thức về tôn giáo đó, mà còn phải thông hiểu cộng đồng dân tộc là tín đồ của tôn giáo ấy. Có như vậy mới giải

đáp được tôn giáo của một tộc người một cách sâu sắc và thấu đáo nhất.

Nhân học tôn giáo đi sâu nghiên cứu các hình thái tôn giáo sơ khai, các tôn giáo dân tộc và tôn giáo thế giới trong mối quan hệ với văn hóa tộc người, nghiên cứu các biểu tượng tôn giáo, các nghi thức, hành vi, lễ hội và các thiết chế tôn giáo, vấn đề giới trong sinh hoạt tôn giáo, các phong trào tôn giáo, xung đột tôn giáo trong mối quan hệ dân tộc và quốc gia... Các nghiên cứu Nhân học tôn giáo cũng cần gắn với bối cảnh kinh tế, văn hóa, xã hội của từng tộc người từ khi nó xuất hiện và trong suốt quá trình tồn tại. Giải thích tại sao nó được chấp nhận ở cộng đồng này, trong khi nơi khác thì không được chấp nhận (xem: Bowie, 2001, tr. 7-29; Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2008, tr. 148-186)...

Về mặt lý thuyết và phương pháp, theo Doug Padgett (1998), Nhân học tôn giáo ứng dụng các lý thuyết và phương pháp Nhân học vào phân tích các vấn đề của xã hội tôn giáo và các tôn giáo - nó là gì? Cái gì tạo nên tôn giáo? Chúng ta nói những gì khi chúng ta đề cập tôn giáo và nó có liên quan như thế nào với các tôn giáo cụ thể? Tôn giáo có ảnh hưởng gì đối với chúng ta?... Những ngành khác nghiên cứu tôn giáo cũng có những câu hỏi tương tự. Nhưng Sử học lại đi tìm những câu trả lời trên đây bằng cách tìm kiếm các tài liệu văn bản, các câu chuyện thần thoại, những ấn phẩm của các nhà chuyên môn nghiên cứu về tôn giáo. Tất nhiên, nhà nhân học tôn giáo luôn luôn tận dụng những nguồn tài liệu trên của Sử học tôn giáo và các ngành khoa học xã hội khác, nhưng họ thường xuyên tập trung sự chú ý vào những đối tượng thực hành tôn giáo,

những người chính thức lãnh hội những quy tắc, giáo lý, giáo luật của những người hành nghề tôn giáo chuyên nghiệp.

Nhân học chú trọng nghiên cứu thực địa, trải nghiệm thực tế. Chính thực địa làm cho Nhân học tôn giáo khác biệt với các ngành nghiên cứu tôn giáo nói chung. Các nhà nhân học tôn giáo trong nghiên cứu Nhân học và nghiên cứu tôn giáo đã có một kiến thức sâu rộng của thực địa, đó là “phương thuốc” khắc phục những tiếp cận đôi khi dễ dãi và hời hợt của “tôn giáo so sánh” (Padgett, 1998).

Nhà nhân học khi nghiên cứu tôn giáo thường áp dụng những phương pháp đặc thù của Dân tộc học/Nhân học vào nghiên cứu các cộng đồng tộc người. Trong đó, điển dĩ Dân tộc học/Nhân học với phương pháp quan sát tham dự là phương pháp đặc trưng không thể thiếu. Điều đó, buộc nhà nghiên cứu phải trải nghiệm lâu dài trong cùng bối cảnh và đối tượng được nghiên cứu, trở thành một phần của hiện thực. Nó bao gồm các phương pháp thu thập dữ liệu. Phương pháp này bao gồm quan sát, giao tiếp tự nhiên, phỏng vấn (cấu trúc, bán cấu trúc, phi cấu trúc), bảng liệt kê các mục cần kiểm tra, các bảng hỏi (xem: Russel, 2007)...

Tuy nhiên, từ thực tế lịch sử của mình, ngành Nhân học tôn giáo đương đại đã cho thấy sự đa dạng về lý thuyết và phương pháp nghiên cứu bởi nó là một phân ngành của Nhân học. Có nhiều cách để nghiên cứu Nhân học tôn giáo như các phân ngành khác. Những môn đệ của Durkheim, Weber, K. Marx, Freudians..., đã tìm và vẫn còn đi tìm những con đường riêng của mình để giải thích và làm sáng tỏ vấn đề tôn giáo (Padgett, 1998).

2.2. Nghiên cứu Nhân học tôn giáo ở Việt Nam hiện nay

Trên thế giới, ngành Nhân học tôn giáo đã có nhiều thành tựu trong việc nghiên cứu và lý giải bản chất, các hiện tượng, hành vi của tín ngưỡng tôn giáo các tộc người ở các quốc gia trên toàn thế giới. Trong khi đó, Nhân học nói chung và Nhân học tôn giáo nói riêng còn là ngành mới phát triển ở nước ta.

Đến trước năm 1986, do những ấu trĩ tả khuynh trong quan niệm về tôn giáo, tín ngưỡng, nhiều cơ sở vật chất thờ cúng tôn giáo (đình, chùa, đền, miếu, nhà thờ...) bị phá bỏ, những sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo cũng bị coi là mê tín, dị đoan. Do vậy, thời kỳ này có những “đứt gãy” về văn hóa. Theo đó, những nghiên cứu về tôn giáo dường như bị bỏ trống.

Sau năm 1986, với sự đổi mới trong quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước nêu trên, hoạt động của các tôn giáo ở nước ta có sự khởi sắc. Thực tiễn đã đặt ra nhiều vấn đề cần phải nghiên cứu. Tuy nhiên, như trên đã đề cập, những công trình nghiên cứu dưới góc độ nhân học tôn giáo đến nay còn ít ỏi, đặc biệt là ở các cộng đồng có đạo. Điều này có nguyên nhân khó khăn từ việc tiếp cận địa bàn nghiên cứu. Sự hòa nhập xã hội của các nhà nghiên cứu chỉ thành công khi hiểu rõ phong tục, tập quán của những cộng đồng có đạo, mặt khác, cần phải có tri thức và hiểu biết sâu sắc về tôn giáo đó. Vì những lý do trên, các nhà nghiên cứu thường chọn các vấn đề khác để dễ dàng hơn trong việc thu thập tư liệu.

Ở các tỉnh phía Bắc, thời gian gần đây, tại một số địa bàn của người Hmông, đã xảy

ra phong trào từ bỏ tín ngưỡng truyền thống, chuyển sang tin theo các đức tin mới, những tôn giáo lạ (đạo Vàng Chử, Dương Văn Minh, Thần Hùng, Tin Lành). Hiện tượng này trở nên phức tạp hơn khi ở một số nơi đã xảy ra những vụ việc gây mất trật tự, di dân tự do tới Tây Bắc và Tây Nguyên. Trong khi đó, các thế lực thù địch thường lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo để phá hoại khối đại đoàn kết của dân tộc, thực hiện chủ nghĩa ly khai. Bối cảnh nêu trên là đề tài “nóng bỏng” cho các nhà nghiên cứu tìm hiểu, giải đáp những vấn đề thời sự cấp bách.

Tuy nhiên, các công trình tiếp cận dưới góc độ nhân học tôn giáo chỉ ghi nhận qua một số nghiên cứu về Tin Lành của Vương Duy Quang, Nguyễn Văn Thắng, Nguyễn Văn Minh... Tác giả Vương Duy Quang là người Hmông. Ông vừa là nhà dân tộc học, đồng thời cũng là nhà nghiên cứu tôn giáo học và đã có nhiều công trình, bài viết về tín ngưỡng tâm linh của người Hmông, về quá trình chuyển đổi từ tín ngưỡng truyền thống sang đạo Tin Lành và những vấn đề liên quan đến chính đồng bào mình. Các công trình tiêu biểu có thể kể đến như *Vấn đề người Hmông theo Ki tô giáo hiện nay* (1994); *Vấn đề sử dụng văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số trong vấn đề đạo Tin Lành qua khảo sát ở người Hmông* (1999); *Những vấn đề cấp bách về tôn giáo ở vùng dân tộc thiểu số của nước ta hiện nay (khảo sát tại Tây Nguyên và vùng núi phía Bắc: kiến nghị (Luận điểm và giải pháp)* (2002, viết chung với Đỗ Quang Hưng); *Văn hóa tâm linh của người Hmông ở Việt Nam, truyền thống và hiện tại* (2005)...

Nguyễn Văn Thắng cũng có một số công trình, bài viết liên quan đến đạo Tin Lành của người Hmông như *Tôn giáo và*

cách ứng xử với bệnh tật của người Hmông (2006); *Sự biến đổi tôn giáo và bản sắc của người Hmông ở Việt Nam* (2006); *Giữ “lý cũ” hay theo “lý mới”? Bản chất của những phản ứng khác nhau của người Hmông ở Việt Nam với ảnh hưởng của đạo Tin Lành* (2009)... Đặc biệt, cuốn sách của Nguyễn Văn Thắng xuất bản năm 2009 nêu trên với mục đích chính đi sâu lý giải về bản chất của vấn đề giữ lý cũ hay theo lý mới của một số cộng đồng người Hmông, mà thực chất là chỉ ra những nguyên nhân khiến một bộ phận người Hmông vẫn giữ lý cũ, trong khi một bộ phận khác lại theo lý mới (tức đạo Tin Lành) và ảnh hưởng của nó đến đời sống xã hội người Hmông. Tuy nhiên, việc phân tích ảnh hưởng của đạo Tin Lành tới cộng đồng người Hmông còn sơ lược.

Tác giả Nguyễn Văn Minh cũng có khá nhiều bài viết đi sâu tìm hiểu đạo Tin Lành ở các dân tộc thiểu số Tây Nguyên và ảnh hưởng của nó tới các cộng đồng dân tộc thiểu số ở vùng đất này. Các bài nghiên cứu tiêu biểu có thể kể đến như *Một số vấn đề đạo Tin Lành của người dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên hiện nay* (2006); *Một số vấn đề về đạo Tin Lành trong cộng đồng người Hmông di cư tự do vào Tây Nguyên hiện nay* (2010); *Một số vấn đề thực tiễn về đạo Tin Lành ở các dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc hiện nay* (2011)...

Bên cạnh những công trình vừa nêu, cuốn sách *Sự biến đổi của tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay* (Nhiều tác giả, 2008) cũng đáng được chú ý. Đây là công trình của nhiều nhà nghiên cứu Việt Nam đề cập đến chủ đề tôn giáo, tín ngưỡng - một vấn đề có tính thời sự ở Việt Nam. Các bài viết đã chỉ ra thực trạng tôn giáo, tín ngưỡng

đang được người dân tiếp nhận như thế nào trước những tác động mạnh mẽ của toàn cầu hóa và hội nhập.

Hiện nay, Phòng Nhân học tôn giáo (Viện Dân tộc học) đang triển khai đề tài nghiên cứu cấp Bộ (2015 - 2016) về: *Biến đổi văn hóa, xã hội của cộng đồng cư dân theo đạo Tin Lành ở một số dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc (từ năm 2005 đến nay)* (nghiên cứu ở người Hmông và Dao). Có thể nói, đây là một nghiên cứu nhân học tôn giáo cụ thể được triển khai trên phạm vi tương đối rộng với mục tiêu chính là: đánh giá tác động của Tin Lành và Chỉ thị số 01² đến sự biến đổi của cộng đồng cư dân theo đạo Tin Lành (Hmông, Dao) ở miền núi phía Bắc trên các lĩnh vực hoạt động tôn giáo, đời sống xã hội và văn hóa từ năm 2005 đến nay. Bên cạnh đó, nghiên cứu này cũng nhằm phân tích những kết quả đạt được và những bất cập trong quá trình thực hiện chính sách tôn giáo đối với đạo Tin Lành của Đảng và Nhà nước ta. Đồng thời, cung cấp luận cứ khoa học và đề xuất một số khuyến nghị, giải pháp dưới góc độ khoa học cho việc hoạch định và thực hiện chính sách tôn giáo đối với đạo Tin Lành và những vấn đề dân tộc liên quan đến đạo Tin Lành ở một số dân tộc miền núi phía Bắc nước ta hiện nay.

Trong khi đó, các nhà nhân học ở phía Nam cũng mới nghiên cứu lĩnh vực tôn giáo dưới góc độ nhân học. Tuy ở bước đầu, nhưng các nghiên cứu Nhân học tôn giáo ở khu vực này đã có ghi dấu ấn qua cuốn sách *Nhân học và cuộc sống*. Đúng như GS. Ngô Văn Lệ đã viết: “Tín ngưỡng tôn giáo là một

² Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg về một số công tác đối với đạo Tin Lành.

vấn đề nóng trong thế giới đương đại nên thu hút sự quan tâm của các ngành khác nhau, trong đó có ngành Nhân học. Bằng một tâm huyết với nghề, các tác giả trong bài viết của mình, từ các góc độ khác nhau đã cố gắng phác họa các bức tranh toàn cảnh về tín ngưỡng tôn giáo qua góc nhìn nhân học” (Ngô Văn Lê, 2014). Các công trình trên đây là cố gắng lớn của các nhà nhân học khi tham gia nghiên cứu về lĩnh vực tôn giáo hiện nay.

Như vậy, kết quả nghiên cứu nhân học tôn giáo ở nước ta mới chỉ ở bước đầu. Thực tế phát triển đã cho thấy, các tôn giáo ở Việt Nam hiện nay đang có sự khởi sắc, thế tục hóa, tham gia vào các lĩnh vực của đời sống xã hội. Nhiều vấn đề thời sự, nóng bỏng cũng đã xuất hiện, cần giải quyết trong quá trình phát triển của các cộng đồng cư dân theo các tôn giáo lớn như Công giáo, Tin Lành, Phật giáo, Hồi giáo..., cũng như trong đời sống tín ngưỡng truyền thống của bà con các dân tộc thiểu số ở nước ta.

3. Một số định hướng nghiên cứu về Nhân học tôn giáo trong thời gian tới (Thay lời kết)

Tình hình thế giới và Việt Nam nêu trên đã đặt ra cho các nhà nhân học Việt Nam nhiều vấn đề cần nghiên cứu ở lĩnh vực tôn giáo. Tuy nhiên, trong khuôn khổ bài báo, chúng tôi đưa ra một số định hướng nghiên cứu chính trong thời gian tới như sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh nghiên cứu các xu hướng phát triển của một số tôn giáo thế giới đã và đang du nhập vào Việt Nam. Toàn cầu hóa đã dẫn đến sự du nhập của các tôn giáo trên thế giới vào Việt Nam ngày càng

nhiều. Hiện tượng nổi bật về vấn đề tôn giáo ở nước ta hiện nay là sự chuyển đổi tôn giáo tín ngưỡng ở một số tộc người sang một số tôn giáo lớn của thế giới hoặc các tôn giáo mới, được lan truyền qua con đường công nghệ thông tin, truyền thông, các tổ chức tôn giáo trong, ngoài nước và sự đi lại tự do của các công dân trên toàn cầu.

Đạo Tin Lành đã truyền vào một số dân tộc thiểu số (chủ yếu là người Hmông và Dao) ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam thời gian gần đây, thông qua các đài Veritas và đài FEBC từ Malina (Philippines); các tôn giáo mới như “San Su Khẹ Tọ”, “Đạo Cây Gạo”, “Đạo Cây Ngô”... từ Trung Quốc du nhập vào tỉnh Hà Giang; hiện tượng chuyển sang Nhất Quán Đạo không chỉ diễn ra ở cộng đồng người Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh, mà còn trong cả cộng đồng người Việt đi lao động hợp tác ở Đài Loan trở về... Bên cạnh đó, động thái của Tổ chức phi chính phủ người Hmông ở Mỹ đầu tư, hợp tác với người Hmông ở Trung Quốc để dụ dỗ, mua chuộc và lôi kéo một số thanh niên dân tộc Hmông của các huyện Đồng Văn, Mèo Vạc (Hà Giang) sang Trung Quốc học chữ Hmông La Tinh kết hợp với truyền đạo cho họ (1995 - 1996) (Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Hà Giang, tư liệu điền dã năm 2016)... đã cho thấy tính phức tạp của hiện tượng toàn cầu hóa về tôn giáo và bức tranh tôn giáo đa dạng trong đời sống các dân tộc. Toàn cầu hóa về tôn giáo cũng gắn liền với các yếu tố thân tộc, tộc người, trở thành “sức mạnh kép” liên kết xuyên biên giới và liên quốc gia.

Tình hình trên đòi hỏi các nhà nhân học phải nhanh chóng trang bị những kiến thức hiểu biết sâu sắc về các tôn giáo, tín

ngưỡng trong nước và thế giới. Trên cơ sở đó, nghiên cứu xu hướng phát triển của các tôn giáo du nhập tại những địa bàn “nóng” ở các tỉnh miền núi phía Bắc, Tây Nguyên và Nam Bộ.

Thứ hai, nghiên cứu những tác động của tôn giáo đối với đời sống xã hội của con người trong thời đại CNH-HĐH và toàn cầu hóa. Sự chuyển đổi tôn giáo (Religious conversion) bất thường diễn ra trong một số cộng đồng dân tộc thiểu số ở các tỉnh phía Bắc, ở các tỉnh miền Trung và Nam Bộ từ Đổi mới đến nay cũng đã tạo ra những hệ lụy nhất định. Đó là làn sóng di cư đến Tây Bắc, vào Tây Nguyên, tàn phá rừng ở huyện Mường Nhé (tỉnh Điện Biên) và các địa phương khác, gây nên những mâu thuẫn trong nội bộ tộc người và với chính quyền địa phương ở một số nơi...

Vấn đề tôn giáo luôn bị các thế lực thù địch lợi dụng cho những âm mưu chính trị. Tình hình hoạt động tôn giáo trên địa bàn biên giới của các tỉnh phía Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ hiện vẫn còn diễn biến khá phức tạp. Các thế lực thù địch, phản động, lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để gây chia rẽ khối đại đoàn kết các dân tộc. Những âm mưu tuyên truyền, kích động thành lập “Vương quốc Hmông”, lôi kéo một số người sang Lào, Myanmar, tham gia “Bộ đội Hmông”, kích động di cư tự do, gây ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn khu vực biên giới hiện vẫn đang diễn ra.

Bối cảnh trên đây đòi hỏi các nhà nhân học tôn giáo phải nhanh chóng nắm bắt, nghiên cứu tác động của hiện tượng chuyển

đổi tôn giáo đến văn hóa, xã hội và an ninh quốc gia.

Thứ ba, nghiên cứu bảo tồn các giá trị văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Toàn cầu hóa cũng đặt ra vấn đề cần nhanh chóng bảo tồn bản sắc văn hóa của các tộc người nói chung và các tộc người thiểu số nói riêng. Nền văn hóa tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số bao gồm văn hóa vật thể và phi vật thể. Văn hóa vật thể gồm có tranh, ảnh, đồ thờ tự và các khí cụ dùng trong sinh hoạt tôn giáo...; văn hóa phi vật thể biểu hiện ở niềm tin, thế giới quan, các chuẩn mực đạo đức, các giá trị nhân văn, biểu hiện thông qua việc thực hiện các nghi lễ vòng đời và các lễ hội cộng đồng.

Trên cơ sở nghiên cứu thực địa tại một số địa bàn theo đạo Tin Lành ở các tỉnh miền núi phía Bắc, chúng tôi nhận thấy, vấn đề bảo tồn văn hóa truyền thống (trong đó có tôn giáo, tín ngưỡng) của đồng bào các dân tộc thiểu số hiện nay đang được thực hiện bằng các biện pháp “khoanh vùng” để tránh “lây lan” các tôn giáo mới; tuyên truyền vận động, động viên, ký cam kết... với người dân. Chính quyền địa phương cũng yêu cầu họ đơn giản hóa các thủ tục trong sinh hoạt tôn giáo (lễ vật và các bước thực hành), bỏ bớt các hủ tục không còn phù hợp với cuộc sống hiện tại. Tuy nhiên, vấn đề “đơn giản” trong sinh hoạt tôn giáo cụ thể như thế nào? Bỏ bớt cái gì? Bỏ bớt ra sao? Bảo tồn yếu tố nào?... vẫn chưa được các nhà quản lý đề cập. Thiết nghĩ, vấn đề trên đây không chỉ là nhiệm vụ của các cơ quan chức năng, mà rất cần sự vào cuộc của các nhà nhân học, nhằm xóa bỏ “gánh nặng” trong thực hành sinh hoạt tôn giáo của người dân các tỉnh miền

núi phía Bắc hiện nay. Tuy nhiên, điều cần chú ý là, việc bảo tồn cần phải tôn trọng các đối tượng chủ thể, cũng chính là người dân; bởi không ai khác, họ là các chủ nhân của các nền văn hóa. Đồng thời, việc bảo tồn phải gắn với bảo vệ môi trường tôn giáo, không gian văn hóa và đời sống sinh hoạt tôn giáo của các tộc người.

Thứ tư, nghiên cứu mối quan hệ giữa Nhà nước và các tổ chức tôn giáo. Trong bối cảnh CNH - HĐH đất nước, mối quan hệ giữa Nhà nước và các tổ chức tôn giáo cũng đặt ra những vấn đề cần nghiên cứu cho Nhân học tôn giáo. Đó là việc nghiên cứu về mối quan hệ giữa nhà nước và các tổ chức tôn giáo cụ thể như Phật giáo, Công giáo, Tin Lành...; những biến đổi về văn hóa, xã hội ở các cộng đồng có đạo; phát huy các yếu tố tích cực trong phát triển kinh tế, quản lý xã hội... của các cộng đồng tôn giáo. Bên cạnh đó, cần góp phần giải quyết một số bất cập, tránh xảy ra những vụ việc đáng tiếc trong thời gian vừa qua như ở nhà thờ Giáo xứ Thái Hà, Nhà Chung (Hà Nội), Giáo điểm Con Cuông (thôn Trung Hương, xã Yên Khê, huyện Con Cuông, năm 2012) và Giáo họ Trại Gáo, giáo xứ Mỹ Yên (xã Nghi Phương, huyện Nghi Lộc), thuộc giáo phận Vinh, tỉnh Nghệ An (2013).

Thứ năm, bên cạnh những hướng nghiên cứu nêu trên, cần quan tâm nghiên cứu để đưa chính sách về tôn giáo của Đảng tác động sâu rộng, có hiệu quả tới người dân, nhất là các tộc người thiểu số. Theo đó, hàng loạt các vấn đề cần triển khai nghiên cứu như đào tạo để nâng cao số lượng và trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo ở các cấp. Bên cạnh đó, vấn đề in ấn, phát hành

các tài liệu tuyên truyền về chính sách tôn giáo của Đảng (sách, báo, đĩa, băng, ảnh...), phù hợp với trình độ và đặc điểm tâm lý của từng dân tộc cũng cần được nghiên cứu và triển khai trên thực tế.

Tài liệu tham khảo

1. Bowie, Fiona (2001), *Anthropology of Religion*, Blackwell.
2. Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (2008), *Nhân học Đại cương*, Nxb Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Evans, Grant (Chủ biên) (2001), *Bức khám văn hóa châu Á: Tiếp cận nhân học*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
4. Glazier, Stephen D. (1997), *Anthropology of Religion: A Handbook*, Greenwood Press.
5. Hội Dân tộc học - Nhân học Thành phố Hồ Chí Minh (2014), *Nhân học và cuộc sống* (Tuyển tập chuyên khảo: tôn giáo tín ngưỡng), Nxb Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Hội Khoa học lịch sử Việt Nam (2006), *Những vấn đề nhân học tôn giáo, Tạp chí xưa và nay*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
7. Ngô Văn Lệ (2014), *Nhân học và cuộc sống* (Lời nói đầu), Nxb Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
8. Nguyễn Văn Minh (2006), “Một số vấn đề đạo Tin Lành của người dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên hiện nay”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 52-62.
9. Nguyễn Văn Minh (2010), “Một số vấn đề về đạo Tin Lành trong cộng đồng người Hmông di cư tự do vào Tây Nguyên hiện nay”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 5, tr. 38-47.

10. Nguyễn Văn Minh (2011), “Một số vấn đề thực tiễn về đạo Tin Lành ở các dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc hiện nay”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 5, tr. 3-14.
11. Nhiều tác giả (2008), *Sự biến đổi của tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
12. Padgett, Doug (1998), *Anthropology of Religion*, trên trang <http://www.indiana.edu/~wanthro/religion.htm#contemporary>
13. Vương Duy Quang (1994), “Vấn đề người Hmông theo Ki tô giáo hiện nay”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 36-46.
14. Vương Duy Quang (1999), “Vấn đề sử dụng văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số trong vấn đề đạo Tin Lành qua khảo sát ở người Hmông”, *Tạp chí Khoa học Công an*, Số 2.
15. Vương Duy Quang (2005), *Văn hóa Tâm linh của người Hmông ở Việt Nam, truyền thống và hiện tại*, Nxb Văn hóa - Thông tin và Viện Văn hóa.
16. Russel, Bernard H. (2007), *Các phương pháp nghiên cứu trong nhân học (tiếp cận định tính và định lượng)*, Nxb Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
17. Schultz, Emily A. và Robert H. Lavenda (2001), *Nhân học - Một quan điểm về tình trạng nhân sinh*, Phan Ngọc Chiến và Hồ Liên Biện dịch, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
18. Nguyễn Văn Thắng (2006a), “Tôn giáo và cách ứng xử với bệnh tật của người Hmông” (Qua nghiên cứu điền ở 3 thôn thuộc xã Hầu Thào, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai), *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, Số 5, tr. 54-61.
19. Nguyễn Văn Thắng (2006b), “Sự biến đổi tôn giáo và bản sắc của người Hmông ở Việt Nam”, *Kỷ yếu Hội nghị Quốc tế Việt Nam học lần thứ 2 tại Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
20. Nguyễn Văn Thắng (2009), *Giữ “lý cũ” hay theo “lý mới”? Bản chất của những phản ứng khác nhau của người Hmông ở Việt Nam với ảnh hưởng của đạo Tin Lành*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.